

ỦY BAN NHÂN DÂN  
HUYỆN SÔNG LÔ  
Số: 165/KH-UBND

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc  
Sông Lô, ngày 27 tháng 02 năm 2019

## KẾ HOẠCH

### Thực hiện các hoạt động giảm nghèo năm 2019 trên địa bàn huyện

Căn cứ Quyết định số 1614/QĐ-TTg ngày 15 tháng 9 năm 2015 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt đề án tổng thể “chuyển đổi phương pháp tiếp cận đo lường nghèo từ đơn chiều sang đa chiều áp dụng cho giai đoạn 2016-2020”;

Căn cứ Quyết định số 59/2015/QĐ-TTg ngày 17 tháng 11 năm 2015 của Thủ tướng Chính phủ về việc ban hành chuẩn nghèo tiếp cận đa chiều áp dụng cho giai đoạn 2016-2020;

Căn cứ Kế hoạch số 9104/KH-UBND ngày 15/12/2016 của UBND tỉnh Vĩnh Phúc, về việc thực hiện Chương trình giảm nghèo bền vững giai đoạn 2016-2020;

Căn cứ Kế hoạch số 475/KH-UBND ngày 29/5/2017 của UBND huyện Sông Lô, về việc thực hiện Chương trình giảm nghèo bền vững giai đoạn 2016-2020;

Căn cứ Công văn số 130/UBND-VX1 ngày 05/01/2019 của UBND tỉnh Vĩnh Phúc về việc triển khai thực hiện các hoạt động giảm nghèo năm 2019 trên địa bàn tỉnh;

Căn cứ Kế hoạch thực hiện các hoạt động giảm nghèo năm 2019 của UBND các xã, thị trấn. UBND huyện Sông Lô xây dựng Kế hoạch thực hiện các hoạt động giảm nghèo năm 2019, cụ thể như sau:

#### I. MỤC TIÊU CHUNG

##### 1. Mục tiêu chung

Cải thiện và từng bước nâng cao điều kiện sống của các hộ nghèo, hộ cận nghèo, ưu tiên các đối tượng nghèo thuộc vùng khó khăn, tạo sự chuyển biến mạnh mẽ, toàn diện về công tác giảm nghèo trên địa bàn, góp phần thu hẹp khoảng cách chênh lệch về mức sống, tạo cơ hội để đối tượng nghèo ổn định và đa dạng hóa việc làm, tăng thu nhập; tăng khả năng tiếp cận các dịch vụ xã hội cơ bản cho đối tượng nghèo.

Thực hiện đồng bộ các chính sách đảm bảo an sinh xã hội, mở rộng đối tượng thụ hưởng các chính sách trợ giúp của xã hội. Đảm bảo thực hiện mục tiêu giảm nghèo bền vững, hạn chế tái nghèo.

##### 2. Mục tiêu cụ thể.

a) Tỷ lệ hộ nghèo năm 2019 bình quân toàn huyện giảm từ 0,5% - 1,0% (kèm theo danh sách hộ có khả năng thoát nghèo năm 2019);

b) 100% đối tượng thuộc hộ nghèo, hộ cận nghèo được thụ hưởng các chính sách về y tế, giáo dục và trợ giúp pháp lý kịp thời, tiếp cận thông tin, nước sạch. Tăng cường, cải thiện các dịch vụ xã hội chăm lo về sức khỏe, giáo dục cho người nghèo... để giảm các chiều thiếu hụt của hộ nghèo, hộ cận nghèo.

c) 100% hộ nghèo, hộ cận nghèo đủ điều kiện và có nhu cầu vay vốn để đầu tư sản xuất, kinh doanh được hỗ trợ vay vốn tín dụng ưu đãi từ Chi nhánh Ngân hàng chính sách xã hội huyện.

d) Toàn huyện không có hộ nghèo ở nhà dột nát;

e) 100% người nghèo trong độ tuổi lao động có yêu cầu đều được hỗ trợ đào tạo nghề và giới thiệu việc làm phù hợp;

g) 100% cán bộ làm công tác giảm nghèo ở các xã, thị trấn, trường các thôn/dân cư được tập huấn kiến thức, kỹ năng cơ bản về quản lý, tổ chức thực hiện các chương trình, chính sách, dự án giảm nghèo, lập kế hoạch có sự tham gia, xây dựng kế hoạch phát triển cộng đồng;

h) Các phòng, ban, ngành, đơn vị thực hiện chính sách giảm nghèo và chính sách có liên quan đạt mức 90% trở lên sự hài lòng của người dân, đối tượng, tổ chức đến làm việc.

## II. ĐỐI TƯỢNG, PHẠM VI, THỜI GIAN

**1. Đối tượng:** Người/hộ nghèo, người/hộ cận nghèo, người/hộ mới thoát nghèo, người/hộ dân tộc thiểu số và người dân, công đồng trên địa bàn huyện, trong đó ưu tiên hộ chính sách người có công nghèo, hộ nghèo là dân tộc thiểu số, hộ nghèo có đối tượng bảo trợ xã hội, phụ nữ và trẻ em.

**2. Phạm vi:** Chương trình được thực hiện trên phạm vi toàn huyện; ưu tiên nguồn lực đầu tư cho các xã khó khăn và xã phần đầu hoàn thành chương trình xây dựng nông thôn mới.

**3. Thời gian thực hiện:** Trong năm 2019

## III. GIẢI PHÁP, CHÍNH SÁCH THỰC HIỆN GIẢM NGHÈO.

**1. Công tác chỉ đạo điều tra, rà soát hộ nghèo, hộ cận nghèo và thực hiện chính sách cho hộ nghèo, người nghèo, hộ cận nghèo, người cận nghèo.**

Thực hiện xét duyệt hộ nghèo, hộ cận nghèo đảm bảo công khai, minh bạch, công bằng, đúng đối tượng theo quy định của Nhà nước;

Kết quả rà soát, xác định hộ nghèo, hộ cận nghèo có phân tích các chiều thiếu hụt các chỉ số nghèo: Y tế, giáo dục, nhà ở, nước sạch, tiếp cận thông tin ... (cập nhật thông tin vào hệ thống phần mềm quản lý theo dõi diễn biến hộ nghèo, hộ cận nghèo hàng năm).

Các cấp, các ngành tập trung triển khai thực hiện có hiệu quả kế hoạch giảm nghèo, kịp thời nắm bắt thông tin, lập danh sách quản lý, phân loại hộ nghèo, hộ cận nghèo; thực hiện đầy đủ, đúng và kịp thời các chế độ, chính sách

cho người nghèo, người cận nghèo; rà soát, đánh giá hiệu quả các chính sách của Nhà nước và của huyện đối với người nghèo.

Ưu tiên tạo điều kiện thuận lợi trong thụ hưởng chính sách, phát triển kinh tế đối với các hộ nghèo, hộ cận nghèo chủ động đăng ký thoát nghèo.

## **2. Thực hiện chính sách giảm nghèo hiện hành.**

**2.1. Nhóm chính sách tạo điều kiện cho người nghèo ổn định, phát triển sản xuất, việc làm, tăng thu nhập.**

### **2.1.1: Tín dụng ưu đãi cho hộ nghèo, hộ cận nghèo.**

Tạo điều kiện cho hộ nghèo, hộ cận nghèo được tiếp cận các nguồn vốn tín dụng ưu đãi, để hộ nghèo, hộ cận nghèo, có nhu cầu vay vốn mua sắm vật tư, thiết bị, giống cây trồng, vật nuôi; thanh toán các dịch vụ phục vụ sản xuất, kinh doanh tự tạo việc làm, tăng thu nhập hoặc để giải quyết một phần nhu cầu thiết yếu về nhà ở, điện thắp sáng, nước sạch và học tập; trang trải các chi phí để đi lao động có thời hạn ở nước ngoài. Tiếp tục phát huy hiệu quả các tổ chức nhận ủy thác vay vốn và các tổ tiết kiệm vay vốn của các tổ chức đoàn thể. Thực hiện cho vay vốn có điều kiện, hộ nghèo có nhu cầu vay vốn phải có phương án sản xuất kinh doanh và được các tổ chức đoàn thể tín chấp cho vay đồng thời có kế hoạch xử lý theo quy định đối với các hộ nợ đọng kéo dài, không có điều kiện trả nợ.

Đảm bảo nguồn vốn cho vay, rà soát các thủ tục, cơ chế cho vay, thu nợ đảm bảo đúng kỳ hạn, quay vòng vốn nhanh và có hiệu quả, tạo điều kiện thuận lợi cho các hộ nghèo có điều kiện tiếp cận được các nguồn vốn vay.

Chính sách hỗ trợ: Tiếp tục thực hiện cho vay vốn đối với hộ nghèo theo chuẩn nghèo Quốc gia theo quy định của Chính phủ (quy định tại Nghị định số 78/2002/NĐ-CP ngày 04/10/2002 về tín dụng đối với người nghèo và các đối tượng chính sách khác) đảm bảo cho đối tượng hộ nghèo có nhu cầu được vay vốn theo quy định; tiếp tục thực hiện chính sách tín dụng đối với hộ cận nghèo (quy định tại Quyết định số 15/2013/QĐ-TTg ngày 23/02/2013 của Thủ tướng Chính phủ về tín dụng với hộ cận nghèo).

### **2.1.2. Chính sách dạy nghề, giải quyết việc làm và xuất khẩu lao động.**

Triển khai thực hiện có hiệu quả Nghị quyết số 207/2015/NQ-HĐND ngày 22/12/2015 của Hội đồng nhân dân tỉnh Vĩnh Phúc về một số chính sách hỗ trợ hoạt động giáo dục nghề nghiệp và giải quyết việc làm tỉnh Vĩnh Phúc giai đoạn 2016-2020; Quyết định số 18/2016/QĐ-UBND ngày 31/3/2016 của UBND tỉnh Vĩnh Phúc về Ban hành Quy định quản lý, tổ chức thực hiện một số chính sách hỗ trợ và cho vay giải quyết việc làm trên địa bàn tỉnh Vĩnh Phúc giai đoạn 2016-2020 theo Nghị quyết số 207/2015/NQ-HĐND ngày 22/12/2015 của Hội đồng nhân dân tỉnh;

Trong đó ưu tiên dạy nghề cho người thuộc hộ nghèo, hộ cận nghèo, hộ dân tộc thiểu số, người thuộc hộ sản xuất bị thu hồi đất canh tác; các điểm xây

